

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **174/2025/HS-ST**

Ngày: 18 - 12 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đông Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Len, ông Đặng Võ Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Trung Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:132/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:173/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Thị D, sinh ngày 05 tháng 01 năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn N, xã V, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T và bà Hoàng Thị T1; Có chồng là anh Đặng Đức H có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/4/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh H (trích xuất có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Chị Chu Thị H1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn B, xã Á, tỉnh Hưng Yên (trước đây là thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình).

- Người làm chứng:

1. Anh Phạm Quang D1, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Xã T, tỉnh Hưng Yên.

2. Chị Lê Thị D2, sinh năm 1988(vắng mặt).

Nơi cư trú: Phường T, thành phố Hà Nội.

3. Chị Trịnh Thị Bích D3, sinh năm 1991(vắng mặt).

Nơi cư trú: Phường T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2022 đến tháng 7/2023, Lê Thị D là nhân viên bán hàng (sales) của chi nhánh B2 - T2 do Nguyễn Chí B, sinh năm 1997, trú tại xã L, tỉnh Thanh Hóa làm Giám đốc và Đỗ Công T2, sinh năm 1996, trú tại phường H, tỉnh Thanh Hóa làm Phó giám đốc. Chi nhánh B - T2 là chi nhánh của Hệ thống CBeta thuộc Cộng đồng Thương mại điện tử VIDA GROUP (gọi tắt là V) do Tạ Tùng L, sinh năm 1994, trú tại phường T, thành phố Hà Nội làm Tổng giám đốc điều hành và Lê Thị T3, sinh năm 1994, trú tại xã L, thành phố H Tổng giám đốc vận hành. Tháng 7/2023, V bị Công an tỉnh T (nay là Công an tỉnh H) triệt phá, các đối tượng Tạ Tùng L, Lê Thị T3 cùng các Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc công ty, hệ thống; Giám đốc, Phó giám đốc các chi nhánh bị khởi tố về “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Sau khi VIDA GROUPdừng hoạt động, Lê Thị D không có việc làm, không có thu nhập nên nảy sinh ý định sử dụng dữ liệu thông tin khách hàng của VIDA GROUPtrước đây để đưa ra thông tin gian dối mục đích chiếm đoạt tài sản của khách hàng. Từ tháng 6/2024 đến tháng 12/2024 Lê Thị D đã đưa ra thông tin gian dối lừa đảo chiếm đoạt của chị Chu Thị H1, sinh năm 1982, trú tại xã Á, tỉnh Hưng Yên số tiền 359.500.000 đồng, cụ thể:

Chị H1 là khách hàng của VIDA GROUPdo thường xuyên mua sản phẩm Sắc Ngọc Đ (sản phẩm trị nám), D là nhân viên sales đã trực tiếp tư vấn bán sản phẩm Sắc Ngọc Đ cho chị H1 nên có thông tin và lưu số điện thoại 0395.077.082 của chị H1. Để thực hiện ý định của mình D sử dụng điện thoại NOKIA màu đen và điện thoại OPPO A52 màu xanh nhạt lắp sim số 0373.108.871 (sim do VIDA GROUPtrước đây cung cấp cho D để tư vấn bán hàng) gọi điện cho chị H1, khi nói chuyện với chị H1, D nói dối tên là H2 - là người đòi lại quyền lợi cho khách hàng trong vụ án “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” xảy ra tại V. D nói Trung tâm bà N (là thông tin các nhân viên sales thường nói với khách hàng khi tư vấn bán

hàng) đã bị Công an bắt, hồ sơ của chị H1 đã được chuyển đến Toà án, nếu chị H1 muốn lấy lại số tiền đã đóng cho VIDA GROUP thì phải nộp một khoản tiền chi phí để Toà án trả lại tiền. Ban đầu, D bảo chị H1 phải nộp số tiền 40.000.000 đồng nhưng chị H1 nói không có tiền nộp. Sau đó, D tiếp tục gọi điện nói được giảm số tiền phải nộp xuống 30.000.000 đồng, chị H1 vẫn không đồng ý do không có tiền. Sau đó, D tiếp tục nhiều lần gọi điện nói với chị H1 về việc Tòa án giảm số tiền phải nộp xuống còn 20.000.000 đồng để nhận được số tiền đã đóng cho Trung tâm bà N. Do trước đây chị H1 đã nhiều lần chuyển tiền cho VIDA GROUP để mua hàng nên chị H1 mong muốn được nhận lại tiền và do tin tưởng việc D nói là nộp tiền cho Tòa án sẽ được nhận lại tiền đã đóng cho VIDA GROUP nên chị H1 đồng ý chuyển tiền cho D.

Sau khi chị H1 đồng ý chuyển tiền, do lo sợ nếu sử dụng tài khoản của mình để nhận tiền thì dễ bị Cơ quan Công an phát hiện nên D hướng dẫn chị H1 gửi tiền vào số tài khoản của cửa hàng dịch vụ mà D cung cấp. D đến Cửa hàng kinh doanh vàng tại số C, phố C, phường T, thành phố Hà Nội của anh Phạm Quang D1, sinh năm 1992, trú tại xã T, tỉnh Hưng Yên có dịch vụ chuyển tiền để xin số tài khoản ngân hàng, anh D1 cho số tài khoản 1888886699999 mở tại Ngân hàng Q (MB) mang tên anh D1, D nói với anh D1 là người nhà của D chuyển tiền, do tài khoản ngân hàng của D bị lỗi, không nhận được tiền nên nhờ tài khoản của anh D1 nhận hộ và lấy tiền mặt. Ngày 28/6/2025, chị H1 chuyển 20.000.000 đồng từ số tài khoản 001029346356 tại Ngân hàng V1 mang tên chị H1 đến số tài khoản của anh D1 mà D cung cấp. Sau khi chị H1 chuyển tiền, D đến cửa hàng của anh D1 lấy tiền mặt 20.000.000 đồng và trả tiền dịch vụ cho anh D1 20.000 đồng. Sau đó, D nộp số tiền này vào tài khoản số 0395847943 mở tại Ngân hàng TMCP V2 (V3) mang tên D.

Sau khi chị H1 chuyển tiền lần thứ nhất, thấy chị H1 tin tưởng nên D tiếp tục lừa dối chị H1 để chị H1 tiếp tục gửi tiền cho D. D nhiều lần đưa ra các lý do khác nhau như hồ sơ thiếu dấu đỏ, chi phí cho phòng kế toán, tiền bảo hiểm,... để chị H1 tin tưởng và yêu cầu chị H1 nhiều lần chuyển tiền cho D. Do mong muốn nhận lại tiền đã chuyển cho VIDA GROUP nên chị H1 tin tưởng nhiều lần chuyển tiền cho D. Sau mỗi lần chị H1 đồng ý chuyển tiền D lại đến các cửa hàng có dịch vụ chuyển tiền gồm: Cửa hàng vàng của anh Phạm Quang D1; Cửa hàng vàng tại số A, phố C, phường T, thành phố Hà Nội của chị Trịnh Thị Bích D3, sinh năm 1991, trú tại tổ A, phường T, thành phố Hà Nội và Cửa hàng điện thoại số 60, đường V,

phường T, thành phố Hà Nội của chị Lê Thị D2, sinh năm 1988, trú tại phường T, thành phố Hà Nội để xin số tài khoản ngân hàng của những người trên sau đó cung cấp cho chị H1 để chị H1 chuyển tiền. Khi đến các cửa hàng này, D đều nói với chủ các cửa hàng là do tài khoản của D bị lỗi, không nhận được tiền do người nhà gửi nên nhờ tài khoản của những người trên nhận hộ và lấy tiền mặt. Sau khi nhận tiền D đều trả phí cho các cửa hàng mỗi lần 20.000 đồng.

Với phương thức thủ đoạn như trên D đã yêu cầu chị H1 chuyển tiền cho D thêm 17 lần nữa trong đó lần ít nhất là 5.000.000 đồng, lần nhiều nhất là 40.000.000 đồng, các lần chuyển tiền đều thông qua tài khoản ngân hàng. Sau khi chị H1 chuyển tiền đến các số tài khoản mà D cung cấp, D đến các cửa hàng này để rút tiền mặt rồi nộp vào tài khoản số 0395847943 tại Ngân hàng V3 của mình (11 lần) và giữ tiền mặt để chi tiêu, tổng số tiền D chiếm đoạt của chị H1 là 359.500.000 đồng, D đã chi tiêu cá nhân hết.

*** Cáo trạng số 05/CT-VKSHY ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên** đã truy tố bị cáo Lê Thị D4 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa**, bị cáo Lê Thị D5 thừa nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện theo nội dung của bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo trình bày để có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại chị H1 số tiền 359.500.000 đồng. Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình và xã hội.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:**

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị D phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Về hình phạt:

+ Về hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, điểm b, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 54, 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị D từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/4/2025.

+ Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

-Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã nhờ gia đình đã bồi thường cho bị hại - chị Chu Thị H1 số tiền 359.500.000 đồng, HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa gián nộp vào Ngân sách Nhà nước của bị cáo 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A52 màu xanh nhạt, đã cũ; 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã cũ. Tịch thu tiêu hủy của bị cáo 01 sim điện thoại bị bẻ đôi trên mặt thẻ sim có dãy số 8984048000335768061.

-Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*** Bị cáo nói lời sau cùng:** Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo gồm: Đơn tố giác tội phạm và lời khai của bị hại (bút lục số 02, 479 đến 489); Biên bản khám xét chỗ ở của Lê Thị D thu giữ điện thoại, thẻ sim D liên lạc với chị H1 (bút lục số 49, 50); Biên bản kiểm tra điện thoại do Lê Thị D giao nộp (bút lục số 52, 55, 179); Xác nhận của Cửa hàng Công ty V4 (bút lục số 53); Báo cáo chi tiết lịch sử liên lạc của số thuê bao 0373.108.871 do Tập đoàn C cung cấp (bút lục từ số 65 đến 154); 01 USB chứa file ghi âm hội thoại giữa D và chị H1 (bút lục số 09); Sao kê tài khoản ngân hàng số 0395847943 mở tại Ngân hàng V3 mang tên Lê Thị D (bút lục từ số 157 đến

176); Sao kê tài khoản ngân hàng của anh Phạm Quang D1, anh Nguyễn Văn B1, anh Phạm Ngọc H3, chị Trịnh Thị Bích D3, chị Lê Thị D2 (bút lục từ số 185 đến 473); Lời khai của người làm chứng anh Phạm Quang D1, chị Lê Thị D2 và chị Trịnh Thị Bích D3 (bút lục số 476 đến 478), cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ các căn cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2024 đến tháng 12/2024, do cần tiền để chi tiêu cá nhân, bị cáo D đã lợi dụng việc Cộng đồng Thương mại điện tử VIDA GROUP bị cơ quan chức năng khởi tố, điều tra trong đó chị Chu Thị H1 là người bị hại đã bị hệ thống VIDA GROUP chiếm đoạt một số tiền lớn. Lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin của chị Chu Thị H1, bị cáo Lê Thị D đã gọi điện thoại lừa dối chị H1 về việc có thể giúp chị H1 lấy lại được tiền đã bị chiếm đoạt, bị cáo đưa ra nhiều thông tin gian dối khác nhau nhằm tạo lòng tin đối với chị H1, chị H1 đã tin tưởng và chuyển tiền cho bị cáo 18 lần với tổng là **359.500.000** đồng, sau khi nhận tiền của chị H1, D đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

[3] Hành vi của bị cáo Lê Thị D6 phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

“Điều 174. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[4]Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; vì mục đích vụ lợi bị cáo đã lợi dụng không gian mạng nhằm che đậy hành vi phạm tội, lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin của người bị hại, đưa ra nhiều thông tin gian dối chiếm đoạt tài sản của người bị hại với số tiền lớn, thuộc loại tội rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo không những trực tiếp gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống vật chất cũng như tinh thần của người bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại địa phương, ảnh hưởng đến môi trường mạng, mất lòng tin vào không gian mạng. Do đó, cần quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[5]Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

[5.1]Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo 18 lần thực hiện hành vi phạm tội, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5.2]Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại - chị Chu Thị H1 số tiền 359.500.000 đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt:

[6.1] Về hình phạt chính: Xét tính chất, mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điều kiện hoàn cảnh phạm tội, nhân thân của bị cáo cho thấy: Bị cáo thực hiện hành vi độc lập, mục đích vụ lợi cá nhân, phương thức, thủ đoạn phạm tội đơn giản; tại thời điểm phạm tội bị cáo không có công ăn việc làm, không có thu nhập, phải nuôi 02 con nhỏ; sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện bị cáo đã tỏ ra rất hối hận, ăn năn hối cải, tích cực tác động với gia đình bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo; từ trước đến nay bị cáo chưa vi phạm pháp luật, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Mặc dù bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, nhưng có 03 tình tiết

giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp với tính chất mức độ hành vi của bị cáo, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6.2] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại - chị Chu Thị H1 số tiền 359.500.000 đồng, chị H1 không có ý kiến đề nghị gì thêm, bị cáo đã hoàn thành xong trách nhiệm dân sự trong vụ án.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A52 màu xanh nhạt (đã cũ) và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen (đã cũ) là vật chứng của vụ án liên quan đến việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo, cần tịch thu hóa giá nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 sim điện thoại bị bẻ đôi trên mặt thẻ sim có dãy số 8984048000335768061 là vật chứng của vụ án liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về vấn đề khác trong vụ án:

- Đối với số điện thoại 0373.108.871 Lê Thị D sử dụng để liên lạc với chị Chu Thị H1, đây là sim do VIDA GROUP trước đây cung cấp cho D để tư vấn bán hàng, quá trình điều tra xác định sim đăng ký tên anh Hoàng Văn D7, sinh năm 1972, trú tại xã T, tỉnh Thanh Hóa tuy nhiên anh D7 không đăng ký và sử dụng sim số này, anh D7 không biết vì sao sim lại đăng ký bằng thông tin cá nhân của anh nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

- Đối với anh Phạm Quang D1, anh Nguyễn Văn B1, anh Phạm Ngọc H3, chị Trịnh Thị Bích D3 và chị Lê Thị D2, Cơ quan điều tra đã làm việc, xác định những người này đều mở cửa hàng kinh doanh vàng hoặc làm dịch vụ chuyển tiền nhanh, khi Lê Thị D nhờ chuyển tiền qua số tài khoản và trả phí thì họ đồng ý. Khi nhận được tiền chuyển khoản đến thì họ đều đưa tiền mặt cho người đến lấy nếu đúng người gửi, số tiền gửi. Những người này không có mối quan hệ gì với D và chị H1, không biết việc D thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị H1 nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[10] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị D4 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

[2] Về Điều luật và hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/4/2025.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị D phải bồi thường hoàn trả cho bị hại chị Chu Thị H1 số tiền 359.500.000 đồng (*Ba trăm năm chín triệu năm trăm nghìn đồng*). Gia đình bị cáo Lê Thị D và chị Chu Thị H1 đã thỏa thuận bồi thường xong.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu hóa giá nộp vào Ngân sách Nhà nước của bị cáo Lê Thị D 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A52 màu xanh nhạt, đã cũ và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã cũ. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại bị bẻ đôi trên mặt thẻ sim có dãy số 8984048000335768061.

(Vật chứng được mô tả theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên lập ngày 04/11/2025)

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Thị D8 chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/12/2025. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Hành chính - Tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đông Giang